

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, vận hành, khai thác sử dụng công trình, bảo trì các công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

### **Điều 3. Quản lý, vận hành công trình xây dựng**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển ấp trực tiếp quản lý, vận hành công trình xây dựng theo quy định.

2. Sau khi nhận bàn giao công trình, Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển ấp có trách nhiệm quản lý, khai thác sử dụng, vận hành công trình theo đúng công năng thiết kế được phê duyệt.

### **Điều 4. Bảo trì công trình xây dựng**

#### **1. Quy trình bảo trì công trình mẫu**

a) Giao Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (gọi tắt là Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) xây dựng quy trình bảo trì mẫu theo loại công trình chuyên ngành được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ban hành quy trình bảo trì mẫu theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều này.

c) Nội dung quy trình bảo trì mẫu bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

#### **2. Trách nhiệm lập, quyết định kế hoạch bảo trì công trình**

a) Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển ấp căn cứ vào quy trình bảo trì công trình đã được phê duyệt và hiện trạng công trình để lập kế hoạch bảo trì công trình hàng năm, trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

b) Nội dung chính của kế hoạch bảo trì công trình xây dựng gồm: Tên công việc thực hiện, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, chi phí thực hiện. Kế hoạch bảo trì có thể được sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định kế hoạch bảo trì và lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

### **Điều 5. Mức chi phí bảo trì các công trình xây dựng**

1. Chi phí bảo trì công trình xây dựng được xác định bằng dự toán theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng và các quy định có liên quan. Dự toán chi phí bảo trì công trình gồm: Chi phí thực hiện các công việc bảo trì định kỳ hàng năm, chi phí sửa chữa công trình, chi phí tư vấn phục vụ bảo trì công trình; chi phí quản lý bảo trì thuộc trách nhiệm chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình và chi phí khác (nếu có).

2. Định mức dự toán sửa chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng áp dụng theo Phụ lục VI Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng. Đơn giá sửa chữa và bảo trì công trình xây dựng áp dụng theo đơn giá hiện hành tại thời điểm lập dự toán.

3. Nguồn vốn thực hiện bảo trì công trình gồm các nguồn vốn sau: nguồn ngân sách nhà nước; nguồn thu từ việc khai thác, sử dụng công trình xây dựng; nguồn đóng góp và huy động của các tổ chức, cá nhân; các nguồn vốn hợp pháp khác.

### **Điều 6. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

a) Chủ trì, phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện quy định về công tác quản lý, vận hành công trình và bảo trì công trình theo quy định.

b) Có trách nhiệm lập và ban hành quy trình bảo trì mẫu đối với công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý, vận hành công trình, bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn quản lý.

b) Chỉ đạo các phòng chuyên môn trực thuộc phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

### 3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình xây dựng.

b) Kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn Ban quản lý xã, Ban phát triển áp thực hiện quy định về quản lý, vận hành công trình, lập kế hoạch bảo trì công trình theo quy định.

### 4. Ban quản lý xã, Ban phát triển áp

a) Thực hiện việc quản lý, vận hành công trình, bảo trì công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.

b) Lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình trong quá trình khai thác, sử dụng.

c) Hàng năm công bố công khai, minh bạch cho các tổ chức, cá nhân biết về các khoản đóng góp vào sử dụng cho công việc bảo trì công trình.

## Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 06 tháng 5 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *Valle*

#### Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phòng: KT, TH-NV;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. *07*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH** *KTĐNB*



**Nguyễn Trung Hoàng**